

Bản án số: 06 / 2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2018
V/v: Ly hôn giữa
chị T và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.

Các Hội thẩm nhân dân dân:

Ông Phạm Thế Phương.

Bà Võ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 452/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Uyên T, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Số 28, đường Ngô Quyền, tổ 6, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài H, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Tổ 11, khóm Long An B, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt) nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 11 Năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lâm Uyên T trình bày: Hôn nhân giữa tôi và anh Nguyễn Hoài H tự tìm hiểu quen biết nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung vợ chồng không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau và ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Về quan hệ con chung có 02 con chung tên Nguyễn Lâm Phúc Vinh, sinh ngày 16/6/2005 và Nguyễn Lâm Thúy Uyên, sinh ngày 21/3/2008, hiện đang sống với mẹ. Về quan hệ tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải

quyết. Về nợ chung không có nợ. Chị Lâm Uyên T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Hoài H, yêu cầu xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Hoài H trình bày: Thống nhất như lời trình bày của cô Lâm Uyên T về con chung, về tài sản chung không có, về tình cảm vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm, kinh tế không ổn định, nhận thức chưa chính chắn và ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Cô Lâm Uyên T yêu cầu xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn với cô T. Về 02 đứa con chung hiện đang sống với mẹ, tôi cũng đồng ý giao 02 con chung cho cô T được tiếp tục nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Lâm Uyên T và anh Nguyễn Hoài H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xem là hôn nhân không H pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp “ Ly hôn ” giữa chị Lâm Uyên T và anh Nguyễn Hoài H được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Chị Lê Uyên T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Hoài H, yêu cầu xin được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con, về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về nợ chung không có nợ.

[4] Bị đơn anh Nguyễn Hoài H đồng ý ly hôn với cô Lê Uyên T và đồng ý giao 02 con chung cho cô T tiếp tục nuôi con, về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về nợ chung không có nợ.

[5] Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

- Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và H đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này.

- Khoản 1 Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường H nam, nữ chung sống với nhau như

vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con.

- Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

- Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và luật khác có liên quan.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn do do cả hai bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, kinh tế không ổn định, nhận thức chưa chính chắn mà không tự giải quyết được nên dẫn đến mâu thuẫn kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho anh chị ly hôn là phù H. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Lâm Phúc Vinh, sinh ngày 16/6/2005 và Nguyễn Lâm Thúy Uyên, sinh ngày 21/3/2008, hiện đang sống với mẹ, chị T có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con và anh H cũng đồng ý giao 02 cho chị T được tiếp tục nuôi con. Về quan hệ tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung không có nợ. Tại phiên tòa hôm nay mặt dù chị Lâm Uyên T và anh Nguyễn Hoài H thuận tình ly hôn nhưng không được Tòa án công nhận vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không H pháp, không công nhận anh H và chị T là vợ chồng.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Lâm Uyên T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001477 ngày 05/12/2017 của Chi cục T hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9-14-15-51-55-56-81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Uyên T và anh Nguyễn Hoài H.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Lâm Phúc Vinh, sinh ngày 16/6/2005 và Nguyễn Lâm Thúy Uyên, sinh ngày 21/3/2008 cho chị Lâm Uyên T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Lâm Uyên T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001477 ngày 05/12/2017 của Chi cục T hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt H lệ.

Trường H bản án, quyết định được T hành án theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật T hành án dân sự, thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
- THADS thị xã
- Các đương sự (để T hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

Đào Văn On

